

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2020/QĐST-DS

*Thọ Xuân, ngày 18 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2020,

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái Đ1 đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ(S)

Địa chỉ: 25 T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn Linh - Chuyên viên xử lý nợ niên Trung, Ngân hàng TMCP Đ

*Bị đơn:*

- Anh Phùng Xuân Đ1, sinh năm 1982

- Chị Lương Thị B, sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn 3, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Tính đến ngày 10/8/2020, ông Phùng Xuân Đ1 và bà Lương Thị B còn nợ Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng tín dụng số 453.17.10.02/CN ngày 06/10/2017 và các giấy nhận nợ kèm theo tổng số tiền là: 365.643.658 đồng (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng*); trong đó: nợ gốc: 362.390.000 đồng, nợ lãi: 3.253.658 đồng.

2.2. Các bên thông nhất phương án trả nợ của ông Phùng Xuân Đ1 và bà Lương Thị B như sau: Số tiền nợ 365.643.658 đồng và số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 453.17.10.02/CN ngày 06/10/2017 và các giấy nhận nợ kèm theo, kể từ ngày 11/8/2020 ông Phùng Xuân Đ1 và bà Lương Thị B tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo các kỳ trong Hợp đồng tín dụng số 453.17.10.02/CN ngày 06/10/2017 và các giấy nhận nợ kèm theo cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Trong trường hợp ông Phùng Xuân Đ1 và bà Lương Thị B vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo Hợp đồng tín dụng số 453.17.10.02/CN ngày 06/10/2017 và các giấy nhận nợ kèm theo thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Thôn 3, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 359006, số vào sổ cấp GCN: CH0216 do UBND huyện Thọ Xuân cấp ngày 26/6/2015 mang tên ông Phùng Xuân Đ1 và bà Lương Thị B, được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 4653, Quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/10/2017 tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia.

Kể từ ngày 11/8/2020 ông Phùng Xuân Đ1 và bà Lương Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về án phí: Ông Phùng Xuân Đ1 và bà Lương Thị B tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.141.091 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.902.700 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007342 ngày 26/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Minh Tiến**